

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Bá.
2. Ông Đinh Đắc Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1994 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Phan Văn A, sinh năm 1993 (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Hôn nhân của chị và anh A là do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu hơn 01 năm, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2018, không đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng bắt đầu phát mâu thuẫn nhưng khoảng tháng 6/2020 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, mâu thuẫn kinh tế, anh A có tình cảm với

người phụ nữ khác chi khuyên không nghe nên vợ chồng có cãi nhau, anh A thường xuyên đánh đập chị và không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Chị và anh A sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh A có chủ động hàn gắn tình cảm nhưng chị không đồng ý do tính tình anh A không thay đổi. Khi hàn gắn tình cảm với chị không được thì anh A tức giận có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh A nên chị xin được ly hôn với anh A

Về con: Quá trình chung sống chị và anh A có 01 con chung là Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/5/2019. Từ khi ly thân đến nay cháu K đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị C xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Hôn nhân của anh và chị C là do tự quen biết, có thời gian tìm hiểu hơn 01 năm, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2018, không đăng ký kết hôn là đúng.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng bắt đầu phát mâu thuẫn, đến khoảng tháng 6/2020 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, mâu thuẫn kinh tế, anh A thừa nhận là anh có vô tâm với vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân không còn hạnh phúc

Anh và chị C sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh có chủ động hàn gắn tình cảm nhưng chị C không đồng ý. Nay anh không còn tình cảm với chị C nên anh đồng ý ly hôn với chị C

Về con: Quá trình chung sống anh và chị C có 01 con chung như chị C trình bày là đúng. Từ khi anh và chị C ly thân đến nay cháu K đang do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu K cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh A không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị C và anh A là vợ

chồng. Về con chung giao Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/5/2019 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung riêng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên Tòa, bị đơn vắng mặt nhưng yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị C và anh A đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau. Tuy anh chị không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2018. Theo chị C và anh A trình bày nguyên nhân dẫn mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, anh A sống vô tâm với vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân dần không còn hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng. Điều này cho thấy tình cảm của anh, chị chưa đủ lớn để vượt qua thử thách của cuộc sống hôn nhân và phù hợp với “*Biên bản xác minh*” ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ lập. Chị C và anh A thống nhất ly hôn nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên tuyên không công nhận chị C và anh A là vợ, chồng theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình

[3] Về con chung: Nguyên, bị đơn thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/5/2019. Từ khi ly thân đến nay người trực tiếp nuôi con chung là chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh A cũng đồng ý với yêu cầu của chị C, nên Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh A không tự nguyện cấp dưỡng và chị C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 9, 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Phan Văn A là vợ, chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 22/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Mỹ C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Phan Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản, nợ chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai số 0006208 ngày 29/3/2022 sang nên chị C không phải nộp thêm án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND TP Cần Thơ
- VKS huyện Vĩnh Thạnh
- Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh
- Các đương sự.
- Lưu HS

Võ Hà Thía